

Topic: Technology and Human Behavior

Vocabulary

Daily Tech Habits

- check notifications: kiểm tra thông báo
- browse the internet: lướt web
- scroll through social media: lướt mạng xã hội
- stream videos: xem video trực tuyến
- binge-watch series: cày phim
- switch between apps: chuyển qua lại giữa các ứng dụng
- keep track of my daily routine: theo dõi lịch trình hằng ngày của tôi
- lose track of time: mất khái niệm về thời gian
- be glued to the screen: dán mắt vào màn hình
- limit my screen time: giới hạn thời gian sử dụng màn hình
- built-in camera: camera tích hợp

Impact & Dependence

- rely on technology: phụ thuộc vào công nghệ
- be addicted to: bị nghiện
- distraction: sự xao nhãng
- boost productivity: tăng năng suất
- out of touch: lỗi thời, không cập nhật công nghệ
- crash (n/v): treo máy
- tech-savvy: rành công nghệ
- strain my eyes: làm mỏi mắt